

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tính;
2. Ông Đặng Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Phạm Thị M**, sinh năm **1973**;

Cư trú tại: Tổ 2, khu phố 4, thị trấn C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: ông **Bùi Văn D**, sinh năm **1971**;

Cư trú tại: Tổ 2, khu phố 4, thị trấn C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Bùi Văn D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh

phúc nhưng gần đây bà và ông D phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhậu về đánh đập bà và phá tài sản trong nhà. Nay không thể sống chung được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn D.

- Về con chung: bà và ông Bùi Văn D có hai con chung tên Bùi Thị Hiền T, sinh ngày 19/12/1997 và Bùi Văn N, sinh ngày 03/02/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Bùi Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: ông thống nhất với bà Phạm Thị M về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng theo ông không có mâu thuẫn gì lớn. Cách đây 05 năm ông cũng có nhậu say và đánh vợ nhưng hiện nay đã không còn. Do còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông thống nhất có hai con chung như bà M trình bày, các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D.

Về con chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D có hai con chung tên Bùi Thị Hiền T, sinh ngày 19/12/1997 và Bùi Văn N, sinh ngày 03/02/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Phạm Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông D.

[2] Về hôn nhân: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D chung sống như vợ chồng năm 1996, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay bà Phạm Thị M yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D.

[3] Về con chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D có hai con chung tên Bùi Thị Hiền T, sinh ngày 19/12/1997 và Bùi Văn N, sinh ngày 03/02/2003, các con chung đều đã trưởng thành nên bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D.

2. Về con chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D có hai con chung tên Bùi Thị Hiền T, sinh ngày 19/12/1997 và Bùi Văn N, sinh ngày 03/02/2003, các con chung đều đã trưởng thành nên bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007591 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Phạm Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (hà).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà

